

Số: 697/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 09 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH H**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 693/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Nguyễn Tấn Hương T, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 05 kiệt 146 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh H.

2. Chị Lê Thị Thảo N, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 06 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn Hương T và chị Lê Thị Thảo N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh H vào ngày 12/10/2016. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 05 kiệt 146 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh H. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến cuối năm 2019 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng ngày một căng thẳng mà không có hướng khắc phục. Anh Nguyễn Tấn Hương T, chị Lê Thị Thảo N xác định tình cảm không còn, nên cùng gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Tấn Hương T và chị Lê Thị Thảo N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Tấn Hương T và chị Lê Thị Thảo N xác nhận có

01 con chung tên là cháu Nguyễn Lê Thảo M, sinh ngày 04/4/2020, hiện nay cháu Nguyễn Lê Thảo M đang ở với chị Lê Thị Thảo N. Nay thuận tình ly hôn anh Nguyễn Tấn Hương T và chị Lê Thị Thảo N thỏa thuận giao cháu Nguyễn Lê Thảo M cho chị Lê Thị Thảo N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Lê Thảo M trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Tấn Hương T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Nguyễn Lê Thảo M, sinh ngày 04/4/2020 mỗi tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) kể từ tháng 11/2022 cho đến khi cháu Nguyễn Lê Thảo M trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Tấn Hương T, chị Lê Thị Thảo N tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung nên cần áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận về nuôi con chung của anh, chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Tấn Hương T, chị Lê Thị Thảo N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Tấn Hương T, chị Lê Thị Thảo N xác nhận vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Tấn Hương T, chị Lê Thị Thảo N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01 tháng 11 năm 2022, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tấn Hương T và chị Lê Thị Thảo N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Thảo M, sinh ngày 04/4/2020 cho chị Lê Thị Thảo N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Lê Thảo M, trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Tấn Hương T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Nguyễn Lê Thảo M, sinh ngày 04/4/2020 mỗi tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) kể từ tháng 11/2022 cho đến khi cháu Nguyễn Lê Thảo M trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai

được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Tấn Hương T, chị Lê Thị Thảo N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Tấn Hương T, chị Lê Thị Thảo N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Anh Nguyễn Tấn Hương T, chị Lê Thị Thảo N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí mà anh Nguyễn Tấn Hương T, chị Lê Thị Thảo N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004555 ngày 11 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh Nguyễn Tấn Hương T, chị Lê Thị Thảo N đã nộp đủ lệ phí, nay không phải nộp.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường T, thành phố H (Anh T, chị N ĐKKH số: 140/2016 ngày 12/10/2016);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu án.

**THẨM PHÁN**

( Đã ký)

**Huỳnh Trọng Cẩn**